

Số: 846/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích

a) Nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; gắn kết chặt chẽ giữa trách nhiệm và quyền lợi của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ khoa học và công nghệ phát huy năng lực sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

b) Đổi mới các cơ chế, chính sách hoạt động khoa học và công nghệ hiện hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Yêu cầu

a) Việc thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ gắn liền với việc nâng cao vai trò của khoa học và công nghệ trong thực hiện chủ trương của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Việc thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn phải áp dụng được trong hoạt động khoa học và công nghệ của các lĩnh vực khác.

c) Hiệu quả và tác động của việc thí điểm này cần được đánh giá trên cơ sở khoa học theo các tiêu chí định lượng.

3. Đối tượng

Đối tượng thí điểm đặt hàng sản phẩm khoa học và công nghệ là các sản phẩm quốc gia trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, do các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện, bao gồm:

a) Giống cây trồng, cây lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản mới có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật rõ ràng, có định lượng và phù hợp với yêu cầu ứng dụng vào sản xuất.

b) Mẫu máy, thiết bị, công cụ sản xuất, sản phẩm, chế phẩm mới có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật rõ ràng, có định lượng và phù hợp với yêu cầu ứng dụng vào sản xuất.

c) Quy trình công nghệ sản xuất mới, khác biệt với quy trình hiện có về hiệu quả kinh tế - xã hội, trình độ công nghệ và phù hợp với yêu cầu ứng dụng vào sản xuất.

4. Điều kiện

a) Xác định rõ được tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

b) Xác định được giá trị thị trường hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội của sản phẩm cuối cùng.

c) Có địa chỉ áp dụng cụ thể, thể hiện bằng văn bản cam kết tiếp nhận, ứng dụng sản phẩm cuối cùng của các địa phương, doanh nghiệp hoặc người sản xuất.

d) Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt nội dung nghiên cứu khoa học, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm cuối cùng, tổng mức kinh phí và kinh phí tạm ứng mỗi năm.

5. Quyền lợi của tổ chức khoa học và công nghệ chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện hợp đồng đặt hàng sản phẩm khoa học và công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng)

a) Được tính đúng, tính đủ các nội dung chi để thực hiện nhiệm vụ trong hợp đồng. Trong đó, tiền lương, tiền công của cán bộ nghiên cứu, tiền công của cán bộ quản lý, giám sát, đánh giá và kinh phí dự phòng được tính như sau:

- Tiền lương và tiền công của cán bộ nghiên cứu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trên cơ sở định mức hiện hành;

- Tiền công của cán bộ quản lý, giám sát, đánh giá được tính trong kinh phí quản lý và tối đa không quá 7% tổng kinh phí thực hiện hợp đồng;

- Kinh phí dự phòng tối đa không quá 10% tổng kinh phí thực hiện hợp đồng và được phép sử dụng trong trường hợp cần thiết sau khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

b) Kinh phí tiết kiệm được (nếu có) trong thực hiện hợp đồng không phải nộp ngân sách; tập thể, cá nhân thực hiện hợp đồng được quyền sử dụng và có trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

c) Phần thu từ sản phẩm vật chất trong thực hiện hợp đồng được để lại toàn bộ cho tổ chức chủ trì, trong đó dành 50% cho các quỹ của tổ chức chủ trì, 50% khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện hợp đồng.

d) Căn cứ kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng đã ký, kinh phí cấp hàng năm để thực hiện hợp đồng là tạm ứng. Tổ chức khoa học và công nghệ chủ trì, cá nhân chủ nhiệm có trách nhiệm báo cáo tài chính hàng năm theo niên độ ngân sách đối với kinh phí thực nhận. Khi hoàn thành hợp đồng, sản phẩm khoa học và công nghệ được nghiệm thu đạt yêu cầu, hợp đồng được thanh toán chính thức.

6. Trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện hợp đồng

a) Tổ chức khoa học và công nghệ chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện hợp đồng có trách nhiệm xây dựng đề cương, lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm cuối cùng trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt.

b) Cá nhân chủ nhiệm chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả thực hiện hợp đồng; báo cáo và thuyết minh về việc sử dụng kinh phí đối với tổ chức khoa học và công nghệ chủ trì.

c) Tổ chức khoa học và công nghệ chủ trì có trách nhiệm quản lý, theo dõi và thường xuyên kiểm tra tình hình, tiến độ thực hiện hợp đồng của cá nhân chủ nhiệm; hàng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc thực hiện hợp đồng.

d) Trường hợp cá nhân chủ nhiệm không hoàn thành hợp đồng đúng thời hạn, nếu có nguyện vọng thì được gia hạn thời gian thực hiện tối đa một năm để hoàn thành nhiệm vụ, trong thời gian gia hạn không cấp thêm kinh phí.

đ) Trường hợp cá nhân chủ nhiệm không có khả năng hoàn thành hợp đồng thì được xử lý như sau:

- Cá nhân chủ nhiệm phải báo cáo rõ nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng, có xác nhận của tổ chức khoa học và công nghệ chủ trì.

Nếu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kết luận cá nhân chủ nhiệm không có khả năng hoàn thành hợp đồng do nguyên nhân chủ quan thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng. Cá nhân chủ nhiệm có trách nhiệm hoàn trả kinh phí đã nhận; mức hoàn trả kinh phí do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định, nhưng không thấp hơn 30% kinh phí đã nhận;

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện cá nhân chủ nhiệm không có khả năng hoàn thành hợp đồng thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng. Cá nhân chủ nhiệm có trách nhiệm hoàn trả kinh phí đã được cấp; mức hoàn trả kinh phí do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định, nhưng không thấp hơn 30% kinh phí đã nhận.

e) Trường hợp cá nhân chủ nhiệm không hoàn thành hợp đồng (sản phẩm sau cùng không đạt yêu cầu như hợp đồng đặt hàng và không được nghiệm thu) do nguyên nhân chủ quan, thì cá nhân chủ nhiệm có trách nhiệm hoàn trả kinh phí; mức hoàn trả kinh phí do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định, nhưng không thấp hơn 30% kinh phí đã nhận. Ngoài ra, cá nhân chủ nhiệm không được tham gia đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc ngân sách Nhà nước cấp trong vòng 3 năm tiếp theo.

7. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm:

- Lựa chọn, thẩm định, phê duyệt nội dung, danh mục sản phẩm khoa học và công nghệ đặt hàng;

- Thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí đặt hàng sản phẩm khoa học và công nghệ;

- Ký hợp đồng, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán hợp đồng.

b) Bộ Tài chính cấp kinh phí để thực hiện thí điểm đặt hàng sản phẩm khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và kiểm tra việc sử dụng kinh phí.

c) Kho bạc Nhà nước thực hiện cấp phát, kiểm soát chi kinh phí đặt hàng sản phẩm khoa học và công nghệ theo các quy định cụ thể tại Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện, giám sát, đánh giá hàng năm việc thực hiện các nội dung thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Thời gian thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 3 năm (từ năm 2011 đến năm 2013). Kết thúc giai đoạn thí điểm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Kho bạc Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: TH, PL, KTN, KTTH;
- Lưu: Văn thư. KGVX (5b). M 154

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Sinh Hùng